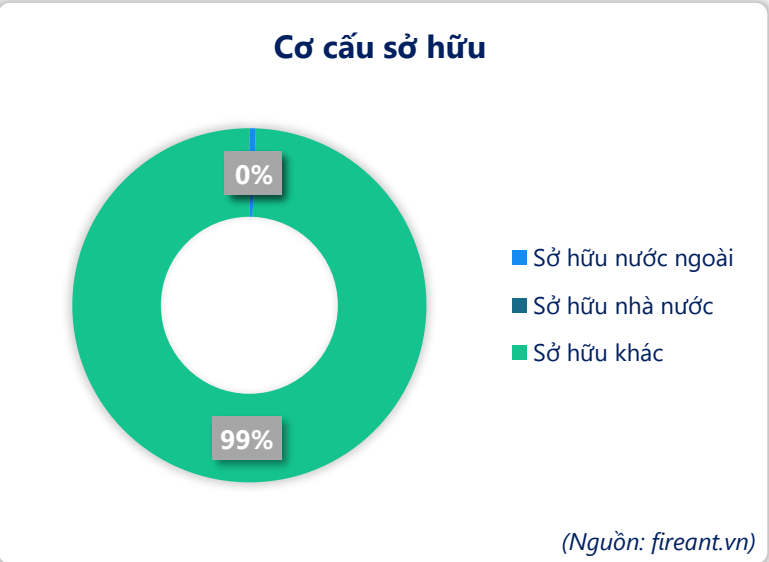
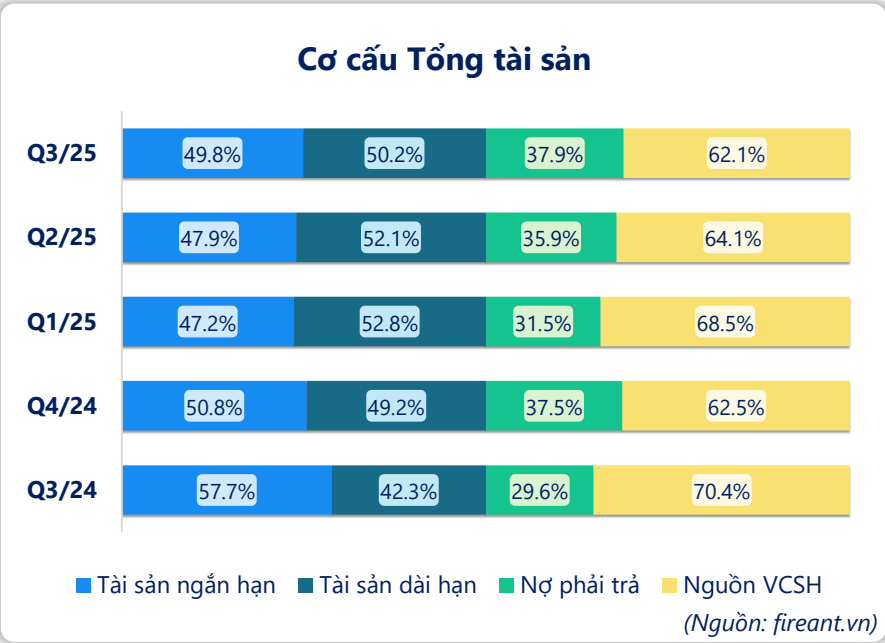
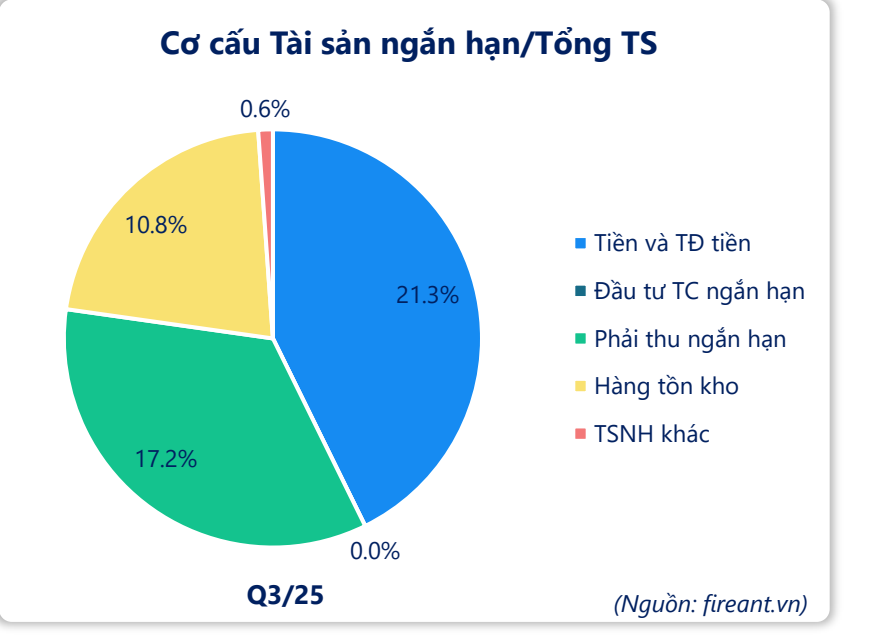
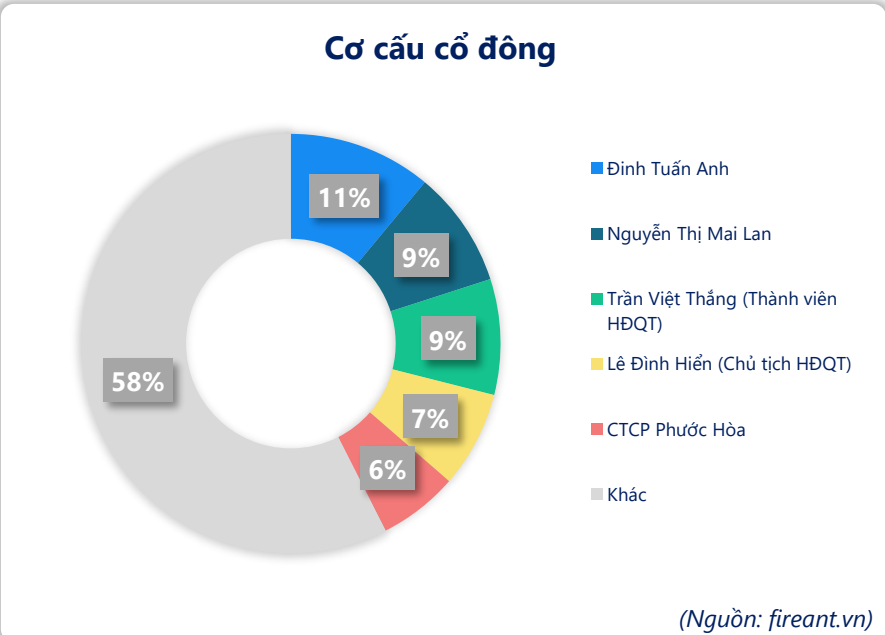
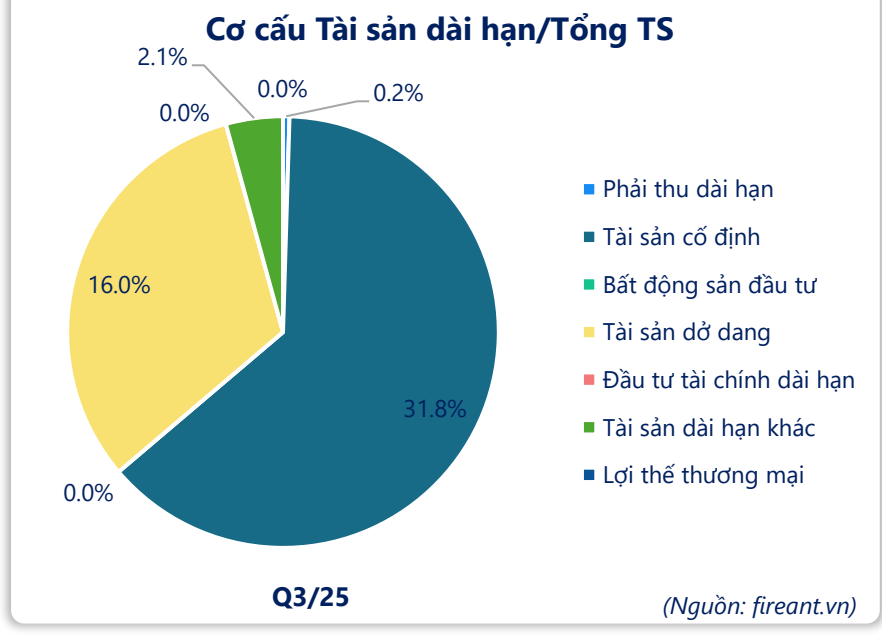
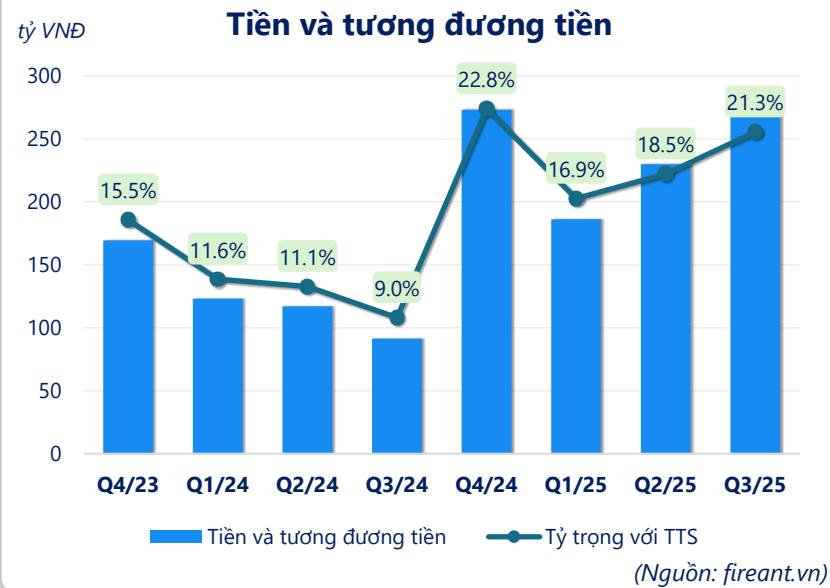
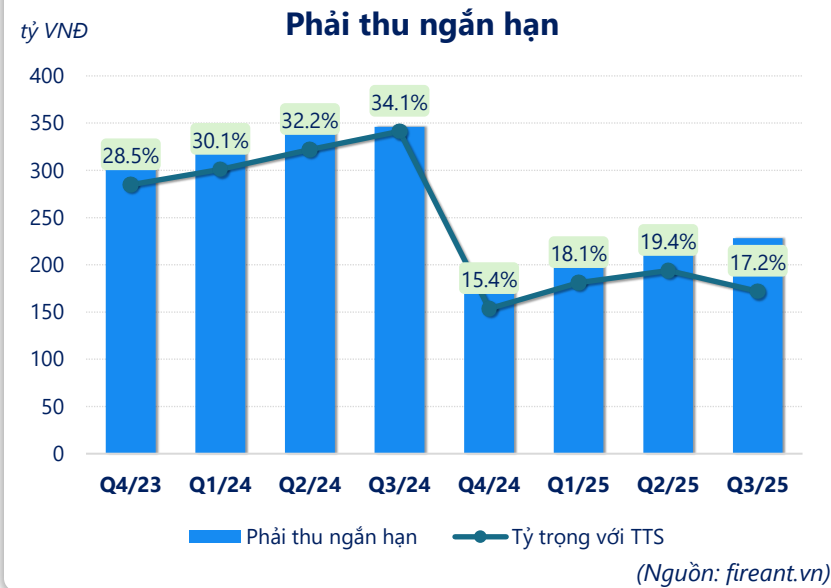
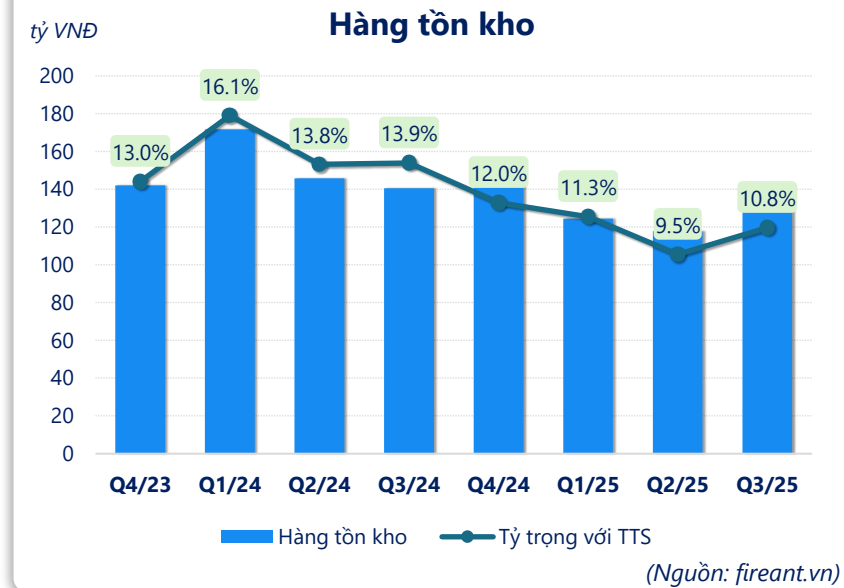
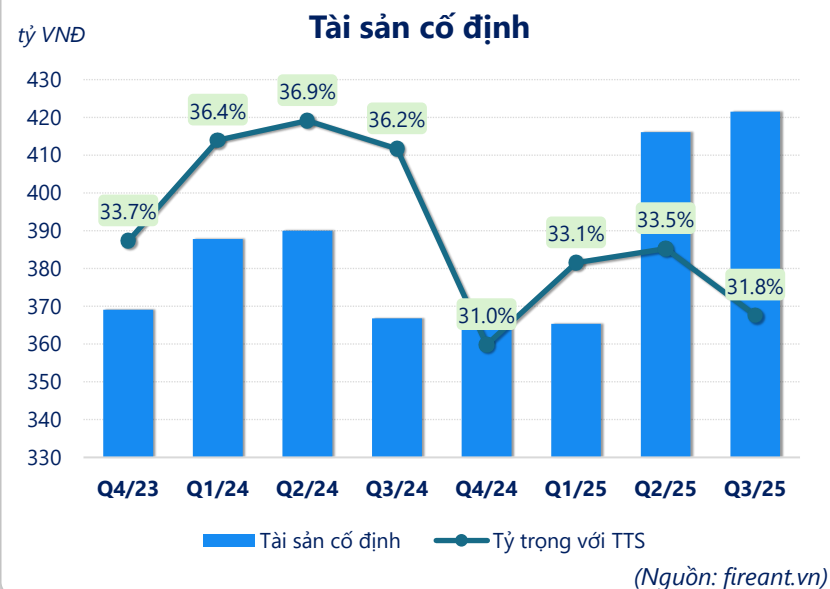
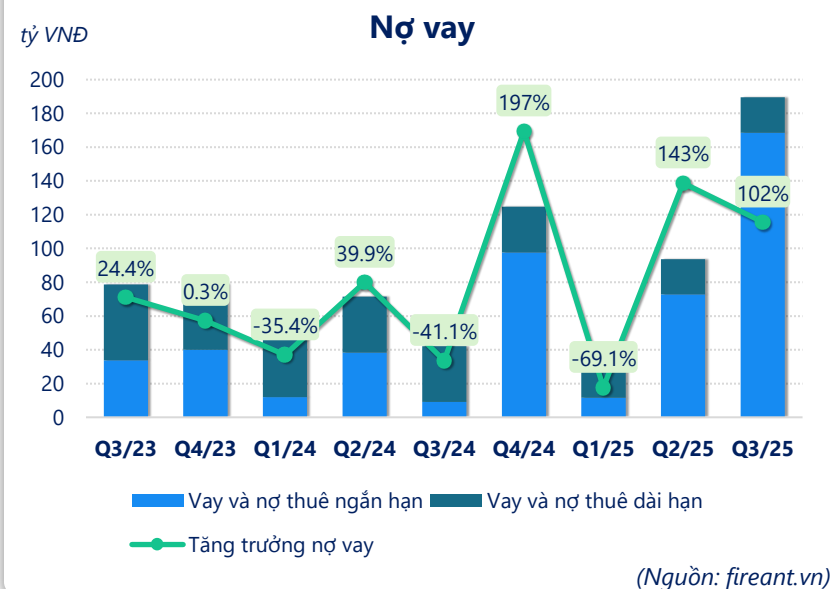
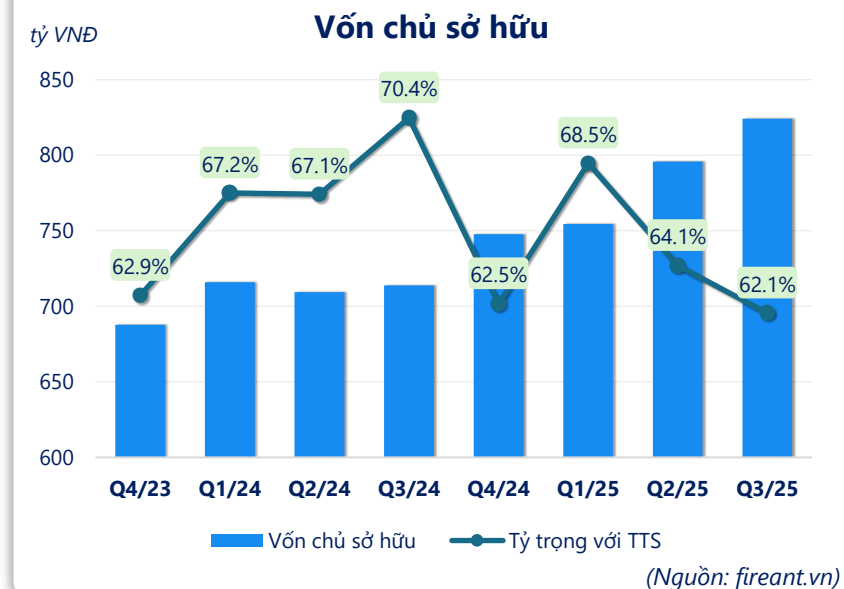
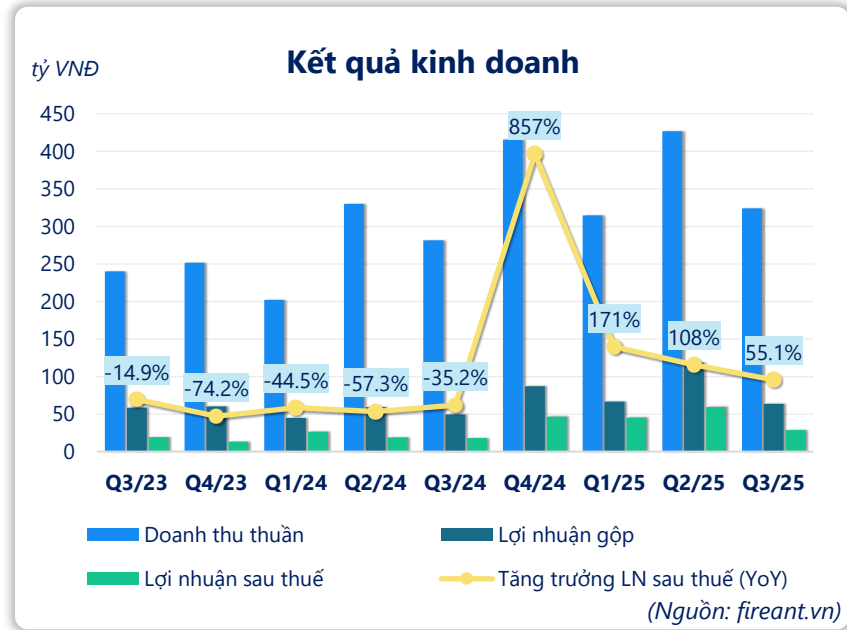
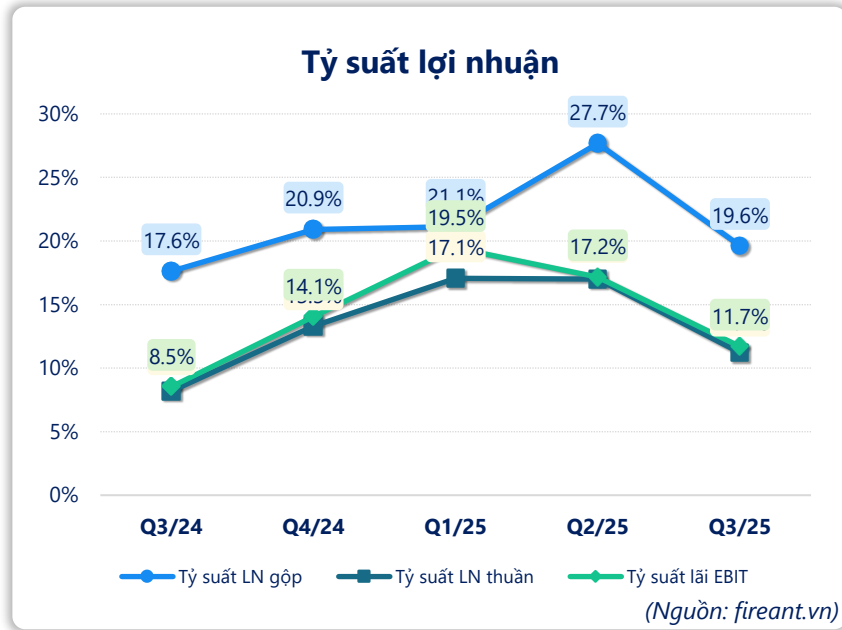
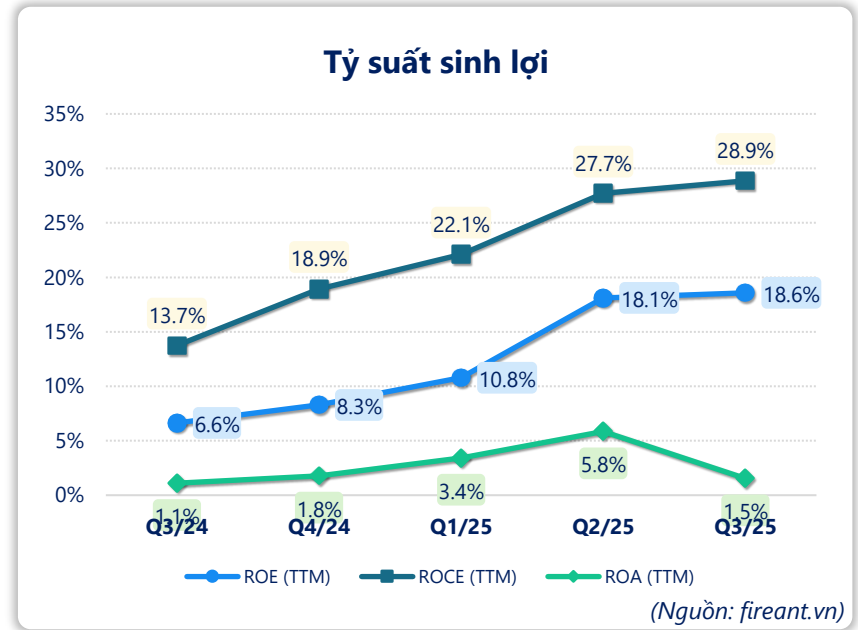
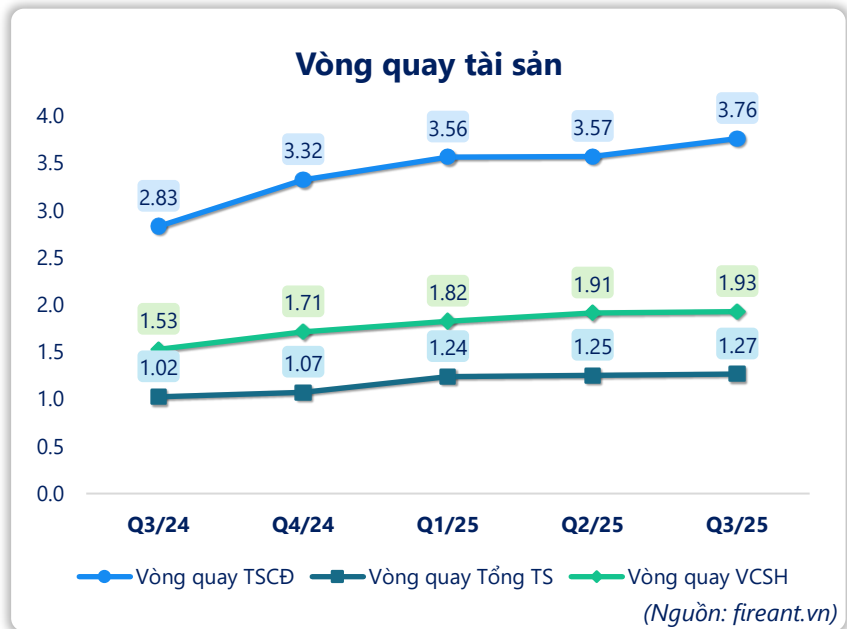
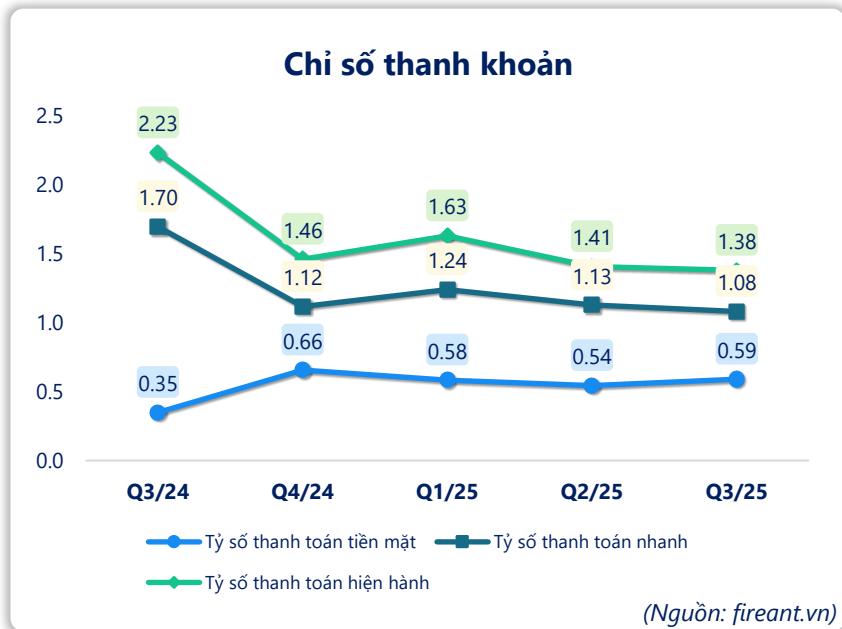
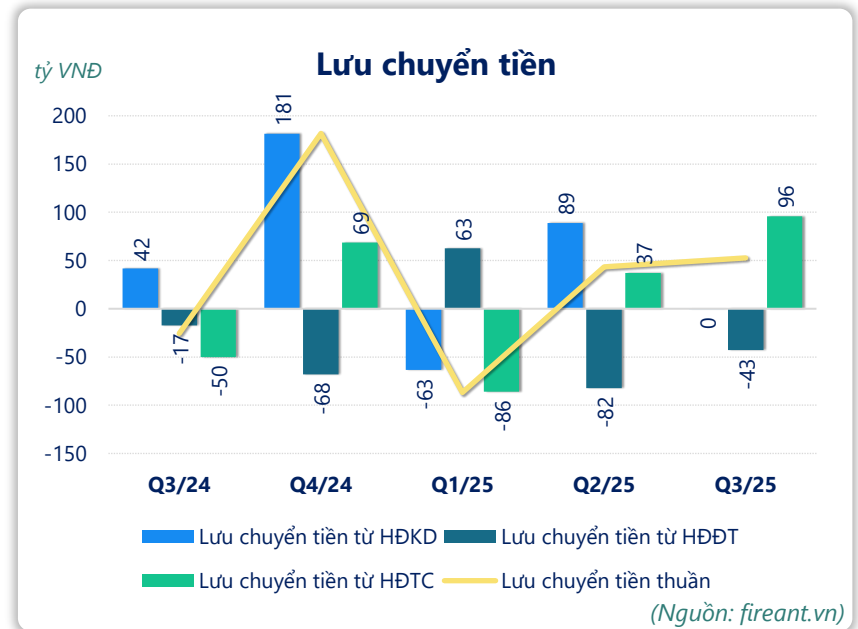


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		93,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		109,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		65,000
SL cổ phiếu LH		14,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		35,990
% sở hữu nước ngoài		0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,351
P/E		9.5
EPS		9,919

	YTD	1T	3T	6T
LHC	31.2%	-2.3%	27.6%	25.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,327	1,197	10.9%
Tài sản ngắn hạn	661	608	8.8%
Tiền và tương đương tiền	282	273	3.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	228	184	24.3%
Hàng tồn kho	143	144	-0.7%
Tài sản ngắn hạn khác	7.46	7.01	6.4%
Tài sản dài hạn	666	589	13.0%
Phải thu dài hạn	3.21	3.20	0.2%
Tài sản cố định	421	372	13.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	213	185	15.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	28.4	29.1	-2.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	503	450	11.6%
Nợ ngắn hạn	479	418	14.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	169	97.7	72.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	39.3	91.7	-57.1%
Nợ dài hạn	23.4	32.3	-27.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	21.0	27.0	-22.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	824	746	10.4%
Vốn chủ sở hữu	824	746	10.4%
Vốn điều lệ	144	144	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	281	416	315	427	324
Giá vốn hàng bán	232	329	248	309	261
Lợi nhuận gộp	49.6	86.9	66.5	118	63.6
Doanh thu HĐTC	1.29	0.76	21.8	-0.12	1.97
Chi phí TC	0.86	0.79	2.15	-0.55	1.63
Chi phí lãi vay	0.83	0.75	0.88	0.60	1.59
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.85	0.95	1.97	1.13	0.87
Chi phí QLDN	26.1	30.7	30.4	44.8	26.7
LN thuần từ HĐKD	23.0	55.3	53.7	72.6	36.4
Lợi nhuận khác	0.14	2.40	6.65	-0.01	-0.05
LN trước thuế	23.2	57.7	60.3	72.6	36.3
Lợi nhuận sau thuế	17.8	46.4	45.1	59.3	28.6
LNST của CĐ cty mẹ	11.5	20.5	37.2	67.2	18.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	41.7	181	-63.3	88.7	-0.48
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-17.2	-68.2	62.6	-82.3	-42.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-50.2	68.6	-86.1	37.1	95.8
Tiền đầu kỳ	117	91.3	273	186	230
Lưu chuyển tiền thuần	-25.6	182	-86.8	43.5	52.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0.03	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	91.3	273	186	230	282

(Nguồn: fireant.vn)